

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA MARKETING

NGUYỄN LÊ PHƯƠNG HẢO
MA ĐẶNG THANH PHƯỢNG
NGUYỄN THỊ KIM THẢO
NGUYỄN HOÀNG TRÀ VY

TÌNH TRẠNG NGHÈO ĐÓI VÀ CHÍNH
SÁCH XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

Tiểu luận môn Phương pháp nghiên cứu Khoa học

Tp. Hồ Chí Minh – 2010

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA MARKETING

NGUYỄN LÊ PHƯƠNG HẢO
MA ĐẶNG THANH PHƯỢNG
NGUYỄN THỊ KIM THẢO
NGUYỄN HOÀNG TRÀ VY

TÌNH TRẠNG NGHÈO ĐÓI VÀ CHÍNH
SÁCH XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

Chuyên ngành: Marketing tổng hợp

Mã số: 471

Tiểu luận môn Phương pháp nghiên cứu Khoa học

Giáo viên hướng dẫn: ThS Thân Ngọc Anh

Tp. Hồ Chí Minh – 2010

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	Trang
Chương 1 Khái quát về vấn đề nghèo đói	1
1.1. Một số khái niệm về nghèo đói	1
1.2. Những quan điểm về nghèo đói.....	1
Chương 2 Vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.....	3
2.1. Tình trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay	3
2.2. Việc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay	7
Chương 3 Giải pháp và kiến nghị.....	9
3.1. Giải pháp	9
3.2. Kiến nghị	10
KẾT LUẬN.....	12
PHỤ LỤC	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO	15

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Đói nghèo là vấn đề toàn cầu, đã và đang diễn ra trên khắp các châu lục với những mức độ khác nhau và trở thành một thách thức lớn đối với sự phát triển của từng khu vực, từng quốc gia, dân tộc và từng địa phương.

- Việt Nam là một nước nông nghiệp với 70% dân số sống ở nông thôn. Với trình độ dân trí, canh tác còn hạn chế nên năng suất lao động chưa cao, thu nhập của nông dân còn thấp, tình trạng đói nghèo vẫn diễn ra rộng khắp các khu vực.

- Vấn đề đói nghèo đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Để người nghèo thoát nghèo là mục tiêu, nhiệm vụ chính trị - xã hội. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề đói nghèo. Nhưng việc triển khai thực hiện còn một số hạn chế do sự thiếu thông tin cũng như nhận thức chưa đầy đủ về tình trạng nghèo đói hiện nay.

- Vì thế việc nghiên cứu về thực trạng đói nghèo một cách hệ thống, có khoa học để từ đó làm cơ sở đưa ra các chính sách xóa nghèo giảm cho từng đối tượng ở từng địa phương một cách hợp lý là vấn đề mang tính cấp thiết để từng bước đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng đói nghèo, trở thành một nước phát triển.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở nước ta là vấn đề được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành cũng như nhiều cơ quan, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Hiện nay có khá nhiều cuộc nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam. Tuy nhiên, tình trạng nghèo đói và chính sách xóa đói giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam vẫn còn nhiều điểm chưa cụ thể và rõ ràng.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu về thực trạng nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn nước ta, từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo đói ở nông thôn. Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghèo đói ở nông thôn. Tìm hiểu về thực trạng đói nghèo và xóa đói giảm nghèo đưa ra những

nguyên nhân dẫn đến đói nghèo. Bước đầu có những kiến nghị về các giải pháp chủ yếu nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo ở vùng nông thôn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Không gian: Khu vực nông thôn Việt Nam.
 - + Thời gian: Số liệu từ năm 1996 đến năm 2009.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: các quan điểm đường lối của Đảng trong vấn đề nghèo đói và chính sách xóa đói giảm nghèo của Nhà nước .
- Phương pháp nghiên cứu: so sánh, phân tích các số liệu thu thập và tổng hợp đưa ra kết luận chung nhất.

6. Cái mới của đề tài

Đề tài đã đưa ra những số liệu cụ thể làm rõ thực trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay và biện pháp, trách nhiệm của mỗi cơ quan, cá nhân trong sự nghiệp xóa đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, đề tài được chia làm 3 chương và 6 tiết:

Chương 1: Khái quát về nghèo đói và những quan điểm về vấn đề nghiên cứu

- 1.1. Một số khái niệm về nghèo đói
- 1.2. Những quan điểm về nghèo đói

Chương 2: Thực trạng nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

- 2.1. Tình trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Việc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Giải pháp và kiến nghị

- 3.1. Giải pháp
- 3.2. Kiến nghị

Chương 1

Khái quát về vấn đề nghèo đói

1.1. Một số khái niệm về nghèo đói

- Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống tối thiểu không thỏa mãn nhu cầu về ăn, mặc, ở, y tế, giáo dục, đi lại, giao tiếp...
- Đói là tình trạng một bộ phận dân cư nghèo có mức sống nhỏ hơn mức sống tối thiểu, không đảm bảo nhu cầu vật chất để duy trì cuộc sống.
- Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương.
- Chuẩn đói nghèo: Các quốc gia khác nhau sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau để đánh giá mức độ giàu nghèo. Việt Nam đưa ra chuẩn đói từ 2-1997 đến 1-1-2000 hộ đói là hộ có thu nhập dưới 13kg gạo/người/tháng, tương đương với 45.000 đồng. Năm 2000, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đưa ra ngưỡng nghèo mới làm căn cứ xác định mục tiêu xoá đói giảm nghèo cho giai đoạn 2001 - 2005. Ngưỡng nghèo đó được ấn định cho từng khu vực: nông thôn miền núi, hải đảo: 80.000 đồng/người/tháng; nông thôn đồng bằng: 100.000 đồng/người/tháng; thành thị: 150.000 đồng.

1.2. Những quan điểm về nghèo đói

- Hiện nay, đói nghèo không còn là vấn đề riêng của từng quốc gia, mà là vấn đề mang tính toàn cầu, bởi vì tất cả các quốc gia trên thế giới ngay cả những giàu mạnh thì người nghèo vẫn còn và có lẽ khó có thể hết người nghèo khi trong các xã hội chưa thể chấm dứt những rủi ro về kinh tế, xã hội, môi trường và sự bất bình đẳng trong phân phối của cải làm ra. Rủi ro quá nhiều trong sản xuất và đời sống làm cho một bộ phận dân cư rơi vào tình trạng nghèo. Tháng 3/1995, tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội ở

Copenhagen Đan Mạch, những người đứng đầu các quốc gia đã trình trong tuyên bố: Chúng tôi cam kết thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trên thế giới, thông qua các hành động quốc gia kiên quyết và sự hợp tác quốc tế, coi đây như một đòi hỏi bắt buộc về mặt đạo đức xã hội, chính trị, kinh tế của nhân loại.

- Đói nghèo là một hiện tượng tồn tại ở tất cả các quốc gia dân tộc. Nó là một khái niệm rộng, luôn thay đổi theo không gian và thời gian. Đến nay, nhiều nhà nghiên cứu và các tổ chức quốc tế đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau, trong đó có khái niệm khái quát hơn cả được nêu ra tại Hội nghị bàn về xóa đói giảm nghèo ở khu vực châu Á Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Thái Lan vào tháng 9/1993, các quốc gia đã thống nhất cho rằng: Đói nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận, tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Đây là khái niệm khá đầy đủ về đói nghèo, được nhiều nước trên thế giới nhất trí sử dụng, trong đó có Việt Nam.

- Để đánh giá đúng mức độ nghèo, người ta chia nghèo thành hai loại: Nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

- Nghèo tuyệt đối: là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản, tối thiểu để duy trì cuộc sống như nhu cầu về ăn, mặc, nhà ở, chăm sóc y tế,...

- Nghèo tương đối: là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của địa phương, ở một thời kì nhất định.

- Những quan điểm trên về đói nghèo phản ánh ba khía cạnh chủ yếu của người nghèo là: không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người, có mức sống thấp hơn mức sống cộng đồng, thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng.

Chương 2

Vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

2.1. Tình trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Thực trạng nghèo đói

- Theo số liệu của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc ở Việt Nam, vào năm 2004 chỉ số phát triển con người của Việt Nam xếp hạng 112 trên 177 nước, chỉ số phát triển giới xếp 87 trên 144 nước và chỉ số nghèo tổng hợp xếp hạng 41 trên 95 nước. Cũng theo số liệu của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc, vào năm 2002 tỷ lệ nghèo theo chuẩn quốc gia của Việt Nam là 12.9%, theo chuẩn thế giới là 29% và tỷ lệ nghèo lương thực (%số hộ nghèo ước lượng năm 2002) là 10.87%. Vào đầu thập niên 1990, chính phủ Việt Nam đã phát động chương trình Xóa đói giảm nghèo cùng với lời kêu gọi của Ngân hàng thế giới. UNDP cho rằng mặc dù Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững và kết quả rất ấn tượng giảm tỷ lệ nghèo, song vẫn còn tồn tại tình trạng nghèo cùng cực ở một số vùng. Để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, Việt Nam cần phải giải quyết tình trạng nghèo cùng cực.

- Cho đến năm 2009, theo chuẩn nghèo trên, cả nước Việt Nam hiện có khoảng 2 triệu hộ nghèo, đạt tỷ lệ 11% dân số. Tuy nhiên, trên diễn đàn Quốc hội Việt Nam, rất nhiều đại biểu cho rằng tỷ lệ hộ nghèo giảm không phản ánh thực chất vì số người nghèo trong xã hội không giảm, thậm chí còn tăng do tác động của lạm phát (khoảng 40% kể từ khi ban hành chuẩn nghèo đến nay) và do là suy giảm kinh tế. Chuẩn nghèo quốc gia của Việt Nam hiện nay là gồm những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đến 260.000 đồng/người/tháng. Mặc dù vậy, nhiều hộ gia đình vừa thoát nghèo vẫn rất dễ rơi trở lại vào cảnh nghèo đói. Trong thập kỷ tới đây nỗ lực của Việt Nam

trong việc hội nhập với nền kinh tế toàn cầu sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho sự tăng trưởng, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với sự nghiệp giảm nghèo.

- Ở khu vực nông thôn tỷ lệ đói nghèo giảm chậm hơn thành thị nhưng tương đối ổn định từ 45,5% năm 1998 xuống 35,6% năm 2002 còn 27,5% năm 2004.
- Khu vực đồng bào dân tộc tốc độ giảm nghèo chậm và còn rất cao, từ 75,2% xuống 69,3%.
- Sự phân bố hộ nghèo giữa các vùng, các miền là không đều. Năm 2005 mặc dù tỷ lệ hộ nghèo trên toàn quốc giảm xuống chỉ còn 7% nhưng sự chênh lệch về số hộ nghèo giữa các vùng là rất lớn, cụ thể là tỷ lệ hộ nghèo ở vùng Đông Nam Bộ là 1,7% trong khi số hộ nghèo ở vùng Tây Bắc chiếm đến 12% tổng số hộ nghèo trong cả nước.
- Người dân chịu nhiều rủi ro trong cuộc sống, sản xuất mà chưa có các thiết chế phòng ngừa hữu hiệu, dễ tái nghèo trở lại như thiên tai, dịch bệnh, sâu hại, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, thất nghiệp...
- Theo số liệu thống kê của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã hội đến cuối năm 2006, cả nước có 61 huyện với số dân 2,4 triệu người thuộc 20 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%.

2.1.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:
 - + Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu vừa trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, ruộng đồng bị bỏ hoang, bom mìn, nguồn nhân lực chính của các hộ gia đình bị sút giảm do mất mát trong chiến tranh, thương tật, hoặc phải xa gia đình để tham gia chiến tranh, học tập cải tạo trong một thời gian dài.
 - + Chính sách nhà nước thất bại: sau khi thống nhất đất nước việc áp dụng chính sách tập thể hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp và chính sách

giá lương tiền đã đem lại kết quả xấu cho nền kinh tế vốn đã ốm yếu của Việt Nam làm suy kiệt toàn bộ nguồn lực của đất nước và hộ gia đình ở nông thôn cũng như thành thị, lạm phát tăng cao có lúc lên đến 700% năm.

+ Hình thức sở hữu: việc áp dụng chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước và tập thể của các tư liệu sản xuất chủ yếu trong một thời gian dài đã làm thu hẹp động lực sản xuất.

+ Việc huy động nguồn lực nông dân quá mức, ngăn sông cấm chợ đã làm cắt rời sản xuất với thị trường, sản xuất nông nghiệp đơn điệu, công nghiệp thiếu hiệu quả, thương nghiệp tư nhân lụi tàn, thương nghiệp quốc doanh thiếu hàng hàng hóa làm thu nhập đa số bộ phận giảm sút trong khi dân số tăng cao.

+ Lao động dư thừa ở nông thôn không được khuyến khích ra thành thị lao động, không được đào tạo để chuyển sang khu vực công nghiệp, chính sách quản lý bằng hộ khẩu đã dùng biện pháp hành chính để ngăn cản nông dân di cư, nhập cư vào thành phố.

+ Thất nghiệp tăng cao trong một thời gian dài trước thời kỳ đổi mới do nguồn vốn đầu tư thấp và thiếu hiệu quả vào các công trình thâm dụng vốn của Nhà nước.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Sau 20 năm đổi mới đến năm 2005 kinh tế đã đạt được một số thành tựu nhưng số lượng người nghèo vẫn còn đông, có thể lên đến 26% (4,6 triệu hộ) do các nguyên nhân khác như sau:

+ Sai lệch thống kê: do điều chỉnh chuẩn nghèo của Chính phủ lên cho gần với chuẩn nghèo của thế giới (1USD/ngày) cho các nước đang phát triển làm tỷ lệ nghèo tăng lên.

+ Việt Nam là nước nông nghiệp đến năm 2004 vẫn còn 74,1% dân sống ở nông thôn trong khi tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp trong tổng sản phẩm quốc

gia thấp. Hệ số Gini là 0,42 và hệ số chênh lệch là 8,1 nên bất bình đẳng cao trong khi thu nhập bình quân trên đầu người còn thấp.

+ Người dân còn chịu nhiều rủi ro trong cuộc sống, sản xuất mà chưa có các thiết chế phòng ngừa hữu hiệu, dễ tái nghèo trở lại như: thiên tai, dịch bệnh, sâu hại, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, thất nghiệp, rủi ro về giá sản phẩm đầu vào và đầu ra do biến động của thị trường thế giới và khu vực như khủng hoảng về dầu mỏ làm tăng giá đầu vào, rủi ro về chính sách thay đổi không lường trước được, rủi ro do hệ thống hành chính kém minh bạch, quan liêu, tham nhũng.

+ Nền kinh tế phát triển không bền vững, tăng trưởng tuy khá nhưng chủ yếu là do nguồn vốn đầu tư trực tiếp, vốn ODA, kiều hối, thu nhập từ dầu mỏ trong khi nguồn vốn đầu tư trong nước còn thấp. Tín dụng chưa thay đổi kịp thời, vẫn còn ưu tiên cho vay các doanh nghiệp nhà nước có hiệu quả thấp, không thể chấp, môi trường sớm bị hủy hoại, đầu tư vào con người ở mức cao nhưng hiệu quả còn hạn chế, số lượng lao động được đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường còn thấp, nông dân khó tiếp cận tín dụng ngân hàng nhà nước,

+ Ở Việt Nam, sự nghèo đói và HIV/AIDS tiếp tục phá hủy từng kết cấu của tuổi thơ. Các em không được thừa hưởng quyền có một tuổi thơ được thương yêu, chăm sóc và bảo vệ trong mái ấm gia đình hoặc được khích lệ phát triển hết khả năng của mình. Khi trưởng thành và trở thành cha mẹ, đến lượt con cái các em có nguy cơ bị tước đoạt các quyền đó vì các hiểm họa đối với tuổi thơ lặp lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.

+ Sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, thành thị và nông thôn, giữa các dân tộc cao.

+ Môi trường sớm bị hủy hoại trong khi đa số người nghèo lại sống nhờ vào nông nghiệp.

+ Hiệu năng quản lý chính phủ thấp.

2.2. Việc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

- Số hộ nghèo vẫn còn nhiều và phần lớn ở vùng nông thôn, số hộ ở cận kề chuẩn nghèo còn đông.
- Sự phân hóa giàu nghèo, giữa các khu vực nông thôn và thành thị, giữa các vùng kinh tế và giữa các đơn vị hành chính đang tồn tại với khoảng cách tương đối lớn, có xu hướng tăng.
- Sự bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư khá rõ nét, các hộ nghèo ít có cơ hội tiếp cận đối với giáo dục, y tế, việc làm và các hoạt động văn hóa, tinh thần,... so với các hộ giàu.
- Nghèo ở nước ta do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu vốn và kiến thức, kinh nghiệm, bên cạnh đó còn do rủi ro và tệ nạn xã hội.
- Với chủ trương, chính sách xóa đói giảm nghèo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo mang lại những kết quả to lớn, mang tính xã hội cao.
- Giảm nghèo là một quá trình thường xuyên, liên tục, cần khắc phục những tồn tại, yếu kém chủ quan, đồng thời xác định và giải quyết những khó khăn trước mắt và lâu dài.
- Các giải pháp giảm nghèo cần đồng bộ, kết hợp hài hòa lợi ích của người nghèo, cộng đồng và đất nước. Các giải pháp cần hướng tới giảm nghèo bền vững trên cơ sở sự vận động của chính các hộ nghèo với sự trợ giúp và trách nhiệm của cộng đồng và xã hội.

2.2.2. Thành tích xóa đói giảm nghèo mà Việt Nam đã đạt được

- Tỷ lệ người nghèo, tính theo chuẩn nghèo quốc tế, đã giảm liên tục từ 60% năm 1990 xuống 58% năm 1993, 37% vào năm 1998, 32% năm 2000,

29% năm 2002 và còn 18,1% năm 2004. Năm 2006 có khoảng 10,8% số hộ được xếp vào loại thiếu ăn theo chuẩn quốc tế.

- Căn cứ vào chuẩn nghèo quốc gia do Bộ Lao Động thương binh và xã hội ban hành, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ hơn 30% năm 1990 xuống còn xấp xỉ 17% năm 2001.

- Số hộ nghèo của năm 2004 là 1,44 triệu hộ đến năm 2005 chỉ còn 1,1 triệu hộ. Như vậy tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 đã giảm khoảng 50% so với năm 2000.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam giảm nhanh, từ 17,2% năm 2001 xuống 6,3% năm 2005, bình quân mỗi năm giảm được 30.000 hộ, đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng thư VIII và IX đề ra.

2.2.3. Những tồn tại trong công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

- Tốc độ giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, miền và đang có xu hướng chậm lại.

- Bất bình đẳng trong thu nhập giữa các vùng.

- Chênh lệch giữa các nhóm thu nhập giữa các nhóm giàu và nhóm nghèo có xu hướng gia tăng.

Chương 3

Giải pháp và kiến nghị

3.1. Giải pháp

3.1.1. Giải pháp kinh tế quản lí

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Đẩy mạnh phát triển giáo dục đào tạo nâng cao dân trí
- Đẩy mạnh mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển văn hóa thông tin

3.1.2. Giải pháp cơ sở hạ tầng

- Vận động nhân dân mang sản phẩm của mình trao đổi tại chợ.
- Song song với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác tu bổ, bảo dưỡng cũng cần được coi trọng.

Giải pháp giáo dục và đào tạo nghề

- Tăng mức độ sẵn có của giáo dục thông qua chương trình xây dựng trường học.
- Giảm chi phí đến trường cho mỗi cá nhân các gia đình nghèo.
- Nâng cấp chất lượng giáo dục.
- Khuyến khích các tổ chức cá nhân tình nguyện tham gia giúp đỡ người nghèo nâng cao trình độ.

3.1.3. Giải pháp vốn

- Ưu tiên hộ chính sách nằm trong diện hộ nghèo đói vay trước.
- Lãi suất cho vay đây chính là yếu tố mang nội dung kinh tế và tâm lý đối với người đi vay, đặc biệt là người nghèo. Lãi suất cho vay ưu đãi hiện nay là 0.87% đối với NHNN&PTNT và 0.65% đối với NHTB&XH.

3.1.4. Giải pháp công tác khuyến nông

- Cần nâng cao các dịch vụ khuyến nông nhằm tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận với thông tin và kỹ thuật sản xuất, tiếp cận thị trường.

- Mở thêm các lớp tập huấn cho người dân, cần phát triển HTXDV đối với từng thôn xóm.

3.1.5. Giải pháp ở hộ gia đình

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.
- Khai thác sử dụng hết các tiềm năng, đặc biệt là đất đai.
- Nguồn lao động cần tham gia các lớp tập huấn khuyến nông, tự hoàn thiện, nâng cao trình độ của mình thông qua các lớp học xóa mù chữ.

3.2. Kiến nghị

3.2.1. Đối với nhà nước

- Cần khẳng định một cách mạnh mẽ rằng, xóa đói giảm nghèo không dừng lại ở việc thực hiện chính sách xã hội, không phải việc riêng của ngành lao động - xã hội hay một số ngành khác, mà là nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân. Muốn thực hiện thành công việc xóa đói giảm nghèo, tất cả mọi cán bộ đảng, chính quyền đều phải quan tâm cùng giải quyết, thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và phải có sự tham gia của toàn thể cộng đồng
- Cần củng cố hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác xóa đói giảm nghèo từ trung ương đến cơ sở.
- Hoàn thiện các chính sách xã hội nông thôn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế phối hợp hành động xóa đói giảm nghèo.

3.2.2. Đối với cơ quan địa phương

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác xóa đói giảm nghèo
- Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn xóa đói giảm nghèo.
- Củng cố Ban xóa đói giảm nghèo của xã, cử cán bộ chủ chốt trực tiếp làm trưởng ban, có các đoàn thể tham gia.
- Đánh giá đúng mức thu nhập và đời sống của các hộ gia đình trong xã, thôn. Xác định chính xác các hộ đói, nghèo ở địa phương. Xác định rõ số

lượng hộ đói, hộ nghèo thiếu vốn, thiếu trí tuệ, thiếu nhân lực... để xây dựng kế hoạch và có biện pháp hỗ trợ cụ thể.

- Dành một lượng vốn cho diện nghèo vay qua chương trình đầu tư vật nuôi (trâu, bò) có kỹ thuật đơn giản và thu lại vốn bằng sản phẩm để tiếp tục đầu tư mở rộng.
- Kiện toàn các tổ chức khuyến nông, xây dựng các dự án chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho các hộ nghèo.

3.2.3. Đối với từng hộ gia đình

Phải nhận thức đúng đắn xóa đói giảm nghèo không chỉ là trách nhiệm của cộng đồng mà phải có sự nỗ lực tự giác vươn lên của chính bản thân hộ nghèo.

KẾT LUẬN

Vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo từ lâu đã là vấn đề mà Đảng và Nhà nước rất quan tâm, là một trong những nhiệm vụ được thực hiện hàng đầu.

Tìm hiểu đề tài này đã giúp chúng ta thấy được thực trạng đói nghèo, xóa đói giảm nghèo cũng như nguyên nhân dẫn đến đói nghèo từ đó đề xuất một số giải pháp.

Chúng tôi hy vọng tiểu luận sẽ được xem xét, triển khai nhanh chóng các biện pháp đã đề ra ở trên và chủ động trong việc kiểm soát tình trạng đói nghèo ở Việt Nam hiện nay. Việc thực hiện các biện pháp xóa đói giảm nghèo một cách hợp lý sẽ giúp cải thiện tình trạng nghèo đói ở Việt Nam hiện nay, đời sống của nhân dân sẽ chuyển biến theo hướng tích cực, là cơ sở để người nghèo từng bước thoát nghèo. Đó là mục tiêu hàng đầu của Đảng, Nhà nước và cũng là nguyện vọng của mỗi công dân Việt Nam.

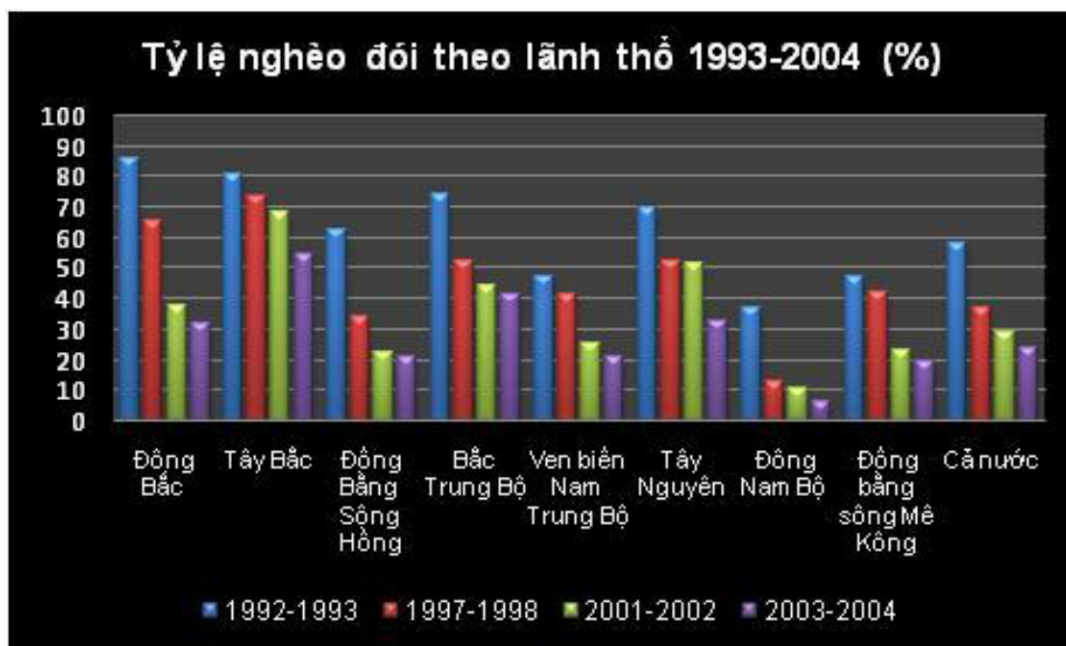
PHỤ LỤC

Tỷ lệ nghèo theo chuẩn nghèo chung chia vùng

Đơn vị: %

Vùng	1998	2002
Đồng bằng sông Hồng	29,3	22,4
Đông Bắc	62,0	38,4
Tây Bắc	73,4	68,0
Bắc Trung Bộ	48,1	43,9
Duyên hải Nam Trung Bộ	34,5	25,2
Tây Nguyên	52,4	51,0
Đông Nam Bộ	12,2	10,6
Đồng bằng sông Cửu Long	36,9	23,4

(Nguồn: Tổng cục thống kê (2004). Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002)



(Nguồn: Bộ Kế hoạch Đầu tư, 2005)



Khoảng 7 triệu trẻ em VN phải sống trong điều kiện thiếu thốn. (Ảnh minh họa)

(Nguồn: Dantri.com.vn)



Trẻ em nghèo từ nông thôn lên thành phố kiếm sống

(Nguồn: thethaovanhoa.vn)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyên nhân nghèo của Việt Nam, Nghèo ở Việt Nam; Wikipedia tiếng Việt.
- [2]. Th.S Phạm Duy Khiêm (1999), Đề tài điều tra hiện trạng xóa đói, giảm nghèo và đề xuất các giải pháp xóa đói giảm nghèo ở nông thôn tỉnh Hải Dương, Webside của Sở khoa học và nghiên cứu tỉnh Hải Dương (www.haiduongdost.gov.vn).
- [3]. Trung tâm Môi trường và Phát triển Nguồn lực Cộng đồng (10/2007), Báo cáo “Tổng quan Lâm nghiệp cộng đồng và giảm nghèo ở Việt Nam”.